TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24 tháng 11 năm 2023
V/v:"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tính
2. Ông Hoàng Tuấn Anh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/HNGĐ- ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã TT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn T, sinh năm 1990; Quê quán: Khu ML, phường PM, thị xã QV, tỉnh Bắc Ninh; HKTT: Khu phố NK, phường GĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; HKTT: Khu phố NK, phường GĐ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh T: Luật sư Nguyễn Hữu L, Công ty luật Tràng An, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 228 phố ĐC, phường Hồ, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Tùng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 22/11/2012, hai bên tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã GĐ, huyện TT (nay là phường GĐ, thị xã Thuận Thành), tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông; ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2015 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2019 thì về. Trong thời gian chị đi làm, ở nhà anh Tùng mải chơi và không chịu làm ăn. Tiền chị gửi về anh Tùng cũng tiêu hết; không những thế anh Tùng còn ngoại tình nên khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng và không còn tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cứ kéo dài như vậy nhiều năm mà không thể cải thiện được.

Tháng 7/2023, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Tùng.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị QA, sinh ngày 30/11/2013 và cháu Nguyễn Văn QA, sinh ngày 3/10/2020. Hiện nay cháu QA đang ở với chị, còn cháu QA ở với anh T. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu QA, còn anh T nuôi cháu QA. Chị không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T xác nhận lời khai của chị T về thời gian kết hôn, con chung và trình bày: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Con chung: Anh T đề nghị được nuôi hai con chung.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân thị xã TT đã áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Văn QA, sinh ngày 3/10/2020. Giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị QA sinh ngày 30/11/2013. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung: Không xem xét giải quyết do chị T, anh Tùng không có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2023, anh Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị xin được nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có văn bản đồng ý để anh Nguyễn Văn Tùng nuôi cháu Nguyễn Văn QA và chị nuôi cháu Nguyễn Thị QA; anh T cũng đồng ý với đề nghị của chị Tú.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

- Chấp nhận sự thỏa thuận về con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T, sửa Bản án sơ thẩm số 39/2023/HNGĐ-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Giao cho chị Tú nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị QA, sinh ngày 30/11/2013; giao cho anh Tùng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn QA, sinh ngày 3/10/2020. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Án phí: Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo hợp lệ nên được được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn Tvào ngày 22/11/2012, trên cơ sở tự nguyện đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theoo pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, hai bên thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian nên tình cảm không còn, cả hai bên đều đồng ý ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho vợ chồng ly hôn là có căn cứ.

[2.2]. Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị QA, sinh ngày 30/11/2013 và cháu Nguyễn Văn QA, sinh ngày 3/10/2020. Hiện nay cháu QA ở với chị T, còn cháu QA ở với anh T.

Anh T kháng cáo xin nuôi cả hai con chung, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm thì chị T có văn bản đề nghị xin được nuôi cháu QA và để anh T nuôi cháu QA.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T đồng ý với đề nghị của chị T nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Giao cho chị T nuôi cháu Nguyễn Thị QA, sinh ngày 30/11/2013 và giao cho anh T nuôi cháu Nguyễn Văn QA, sinh ngày 3/10/2020.

Cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn Tùng, chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về con chung, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T. Giao cho chị Tú được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị QA, sinh ngày 30/11/2013; giao cho anh Tùng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn QA, sinh ngày 3/10/2020.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2021/0006105 ngày 9/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn T 300.000đồng tại biên lai số AA/2021/0006129 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tx Thuận Thành;
- Chi cục THADS tx Thuận Thành;
- Các đương sự

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai